TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HS-ST
Ngày: 29 – 3 – 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Nguyễn Thị Năm.
2/ Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Ngọc Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HS ngày 15/3/2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn Th (tên gọi khác: Thọ); giới tính: Nam; sinh năm: 1972 tại Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: (Nơi đăng ký HKTT: Không có; nơi đăng ký tạm trú: Số 8/10/4 Đường LTP, Phường ML, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm công; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Châu D © và bà Phạm Kim H; vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại bản án số 80/2005/HSST, ngày 14/7/2005, Tòa án nhân dân Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản''; chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2008. Tại bản án số 353/2010/HSST, ngày 30/11/2010, Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản''. Tại bản án số 158/2010/HSST, ngày 17/12/2010, Tòa án nhân dân Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 (năm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản''. Tại bản án số 173/2011/HSST, ngày 27/6/2011, Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản''; tổng hợp hình phạt 07 năm 9 tháng tù theo quyết định tổng hợp hình phạt số 01/QĐ-THHP ngày 16/02/2011 của Chánh án Tòa án nhân dân Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh đối với hai bản án (Bản án số 353/2010/HSST, ngày 30/11/2010 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án số 158/2010/HSST, ngày 17/12/2010 của Tòa án nhân dân Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh) nên bị cáo Phạm Văn Th phải chấp hành hình phạt chung là 09 năm 09 tháng tù; chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/9/2017. Nhân thân: Ngày 24/5/1988, bị Công an Quận N2 bắt và tạm giữ về hành vi chiếm đoạt xe đạp; sau đó bị đưa đi cưỡng

bức lao động ở trại Tiền Giang. Tại bản án số 196/HSST ngày 29/10/1990, Tòa án nhân dân Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân'' và 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân''; tổng hợp hình phạt của hai tội là 15 tháng tù (Tài sản chiếm đoạt trong từng vụ án dưới 2.000.000 đồng). Tại bản án số 87/HSST ngày 06/5/1993, Tòa án nhân dân Quận N2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân'' (Tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng). Tại bản án số1734 ngày 06/12/1995, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân'' và 42 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân''; tổng hợp hình phạt của hai tội là 66 tháng tù (Trị giá các tài sản bị chiếm đoạt trong từng vụ án dưới 2.000.000 đồng); tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 09/11/2018. (Có mặt).

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1967; nơi cư trú: (Nơi đăng ký HKTT: Ấp Ba Ngàn, xã ĐT, thị xã NB, tỉnh HG; chỗ ở: Phòng trọ số 31, nhà trọ số 118-122 Đường ADV, Phường MS, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Võ Th H, sinh năm: 1977; nơi cư trú: Ấp Ba Ngàn, xã ĐT, thị xã NB, tỉnh HG. (Vắng mặt).

2. Ông Võ Minh D, nơi cư trú cuối cùng: Số 5/50 Đường TQĐ, Phường N, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Th và ông Nguyễn Văn K gặp và biết nhau vào ngày 14/7/2018. Khoảng 13 giờ, ngày 15/7/2018, Th đi đến phòng trọ số 31, nhà số 118-122 Đường ADV, Phường MS, Quận T của ông K và rủ ông K nhậu thì được ông K đồng ý. Trong lúc nhậu, ông K nói với Th đang cần tiền mua máy móc phục vụ cho công việc. Do Th thấy ông K có xe gắn máy hiệu Honda Air Blade, biển số 95E1-438.88 và nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của ông K, nên Th giả vờ nói sẽ cho ông K mượn tiền. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày 15/7/2018, Th giả vờ kêu ông K đưa xe gắn máy để Th chở tới chợ Bình Điền, Phường B, Quận T lấy tiền cho ông K mượn, ông K nghe Th nói tưởng là thật nên đồng ý đưa xe gắn máy biển số 95E1-438.88 cho Th chở ông K đi lấy tiền. Khi cả hai đến trước số 130 Đường QTL, Phường B, Quận T thì Th dừng xe và nói ông K đứng đợi để Th chạy xe biển số 95E1-438.88 vào chợ Bình Điền lấy tiền quay lại cho ông K mượn thì ông K đồng ý. Sau đó, Th điều khiển xe vào khu vực chợ Bình Điền rồi tẩu thoát. Ông K đứng đợi nhưng không thấy Th quay lại cho mượn tiền và trả xe; nên biết đã bị Th lừa đảo và ông K đến cơ quan Công an trình báo.

Ngày 28/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận T kết luận: Trị giá 01 xe gắn máy hiệu Honda Blade, màu đen-đỏ, biển số 95E1-438.88 là 14.770.000 đồng.

Sau đó, vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 05/11/2018; ông K phát hiện Phạm Văn Th ở đường Nguyễn Trãi, Quận N2; nên ông K nhờ Cảnh sát giao thông hỗ trợ mời Th về Công an Phường 11, Quận N2 làm rõ. Công an Phường 11, Quận N2 tiếp nhận vụ việc và thông báo cho Công an Phường B, Quận T đến đưa Th về trụ sở để xử lý theo thẩm quyền

và Th khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Cơ quan Công an tạm giữ của Th 01 xe gắn máy hiệu Wave, biển số 54R1-7511. Sau đó, vụ việc được lập hồ sơ chuyển giao đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T để điều tra làm rõ.

Ngày 08/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can và ngày 09/11/2018 bắt tạm giam đối với Phạm Văn Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Đối với chiếc xe gắn máy biển số 95E1-438.88, Phạm Văn Th khai: Sau khi chiếm đoạt xe gắn máy biển số 95E1-438.88 của ông K, Th sử dụng làm phương tiện chạy xe ôm. Khoảng 01 giờ, ngày 13/9/2018, sau khi nhậu xong, Th điều khiển xe biển số 95E1-438.88 đi tìm chỗ ngủ. Trên đường đi, Th dừng xe rồi đi vệ sinh ở lề đường khu vực quận Bình Thạnh, Th vẫn để chìa khóa xe trên ổ khóa công tắc xe. Sau khi đi vệ sinh xong, Th đi ra thì phát hiện xe bị mất. Do xay xỉn nên Th không nhớ cụ thể địa điểm mất xe.

Đối với xe gắn máy biển số 54R1-7511, Th khai nhận vào ngày 10/10/2018, Th đi chơi điện tử bắn cá ở gần bùng binh Cây Gõ, Quận M2 (không rõ địa chỉ) thì gặp một Th niên tên Tùng (không rõ lai lịch), Tùng nói và Th đồng ý nhận cầm xe gắn máy biển số 54R1-7511 với giá 500.000 đồng. Sau đó, không thấy Tùng đến lấy lại xe nên Th sử dụng xe làm phương tiện chạy xe ôm. Qua điều tra, xác minh được biết xe gắn máy biển số 54R1-7511 do ông Võ Minh D (Hộ khẩu thường trú: Số 5/50 Đường TQĐ, Phường N, quận PN) đứng tên chủ sở hữu, nhưng ông D đã bán nhà đi khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Ban biên tập Báo Th niên và Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh đăng tin tìm chủ sở hữu chiếc xe gắn máy nêu trên, nhưng đến nay chưa có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn K yêu cầu Phạm Văn Th bồi thường trị giá chiếc xe bị chiếm đoạt với số tiền 14.770.000 đồng.

Bản cáo trạng số 44/CT – VKS ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Văn Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm d Khoản 2 Điều 174, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo Phạm Văn Th mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù. Đồng thời buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được theo yêu cầu của bị hại. Về xử lý vật chứng: Do chiếc xe gắn máy biển số 54R1-7511 không phải do Th làm chủ sở hữu, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Do muốn có tiền tiêu xài, nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác và bị cáo đã bằng thủ đoạn gian dối làm cho bị hại là ông Nguyễn Văn K tin tưởng là thật nên đã giao cho bị cáo tài sản là một chiếc xe gắn máy hiệu Honda Air Blade, biển số 95E1-438.88; vào khoảng hơn 15 giờ, ngày 15/7/2018, tại trước số 130 Đường QTL, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, bị cáo đã tẩu thoát rời khỏi hiện trường cùng chiếc xe trên.

Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua định giá, xác định chiếc xe gắn máy hiệu Honda Air Blade, biển số 95E1-438.88 trị giá là 14.770.000 đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng).

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Phạm Văn Th đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt: Bị cáo Phạm Văn Th đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý; nên trong lần phạm tội này của bị cáo Phạm Văn Th thuộc trường hợp ''tái phạm nguy hiểm'' theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, bị cáo Phạm Văn Th phải bị xét xử theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về nhân thân: Bị cáo có quá trình nhân thấn xấu, nên Hội đồng xét xử cũng cần phải lưu ý khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[6] Bản cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Th là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt một số tiền nhất định từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành, nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, nhưng bị hại K có yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá chiếc xe bị chiếm đoạt (không thu hồi được) với số tiền là

14.770.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản đã chiếm đoạt của bị hại (không thu hồi được) theo yêu cầu của bị hại. Vì vậy, bị cáo phải có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường một lần số tiền như trên cho bị hại, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[9] Về vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T không thu hồi được chiếc xe gắn máy hiệu Honda Air Blade, biển số 95E1-438.88; nên không có cơ sở xem xét để xử lý.

- Đối với chiếc xe gắn máy hiệu WEDDING, kiểu Wave Trung Quốc, màu xanh, biển số 54R1-7511, số máy: VTT44JL1P52FMH001487, số khung: RRKWCH2UM7XL 01487; hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp, nên cần tiếp tục tạm giữ và đăng thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn một năm để truy tìm và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, nếu quá thời hạn mà không có người thừa nhận hợp pháp thì trả lại cho bị cáo Phạm Văn Th.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 174, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Th (tên gọi khác: Thọ) 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính kể từ ngày 09/11/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Văn Th (tên gọi khác: Thọ).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 584, 585, 586, 589, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

Buộc bị cáo Phạm Văn Th (tên gọi khác: Thọ) chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản không thu hồi được cho bị hại là ông Nguyễn Văn K, với số tiền là 14.770.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tiếp tục tạm giữ và đăng thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn một năm để truy tìm và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe gắn máy hiệu WEDDING, kiểu Wave Trung Quốc, màu xanh, biển số 54R1-7511, số máy: VTT44JL1P52FMH001487, số khung: RRKWCH2UM7XL01487; nếu quá thời hạn mà không có người thừa nhận hợp pháp thì trả lại cho bị cáo Phạm Văn Th (tên gọi khác: Thọ).

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 40/PNK, ngày 02/01/2019 của Công an Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Văn Th (tên gọi khác: Thọ) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 738.500 đồng (Bảy trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải bồi thường cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Trúc

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8, TP.HCM;
- CQTHAHS Q.8, TP.HCM;
- NTG CAQ.8, TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.